

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT

Ngày 12-4-2021

V/v Ly hôn, giải quyết nuôi
con chung, chia tài sản chung
và nợ chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;
Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc: Ly hôn, giải quyết nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/2021/TB-TDS ngày 01/4/2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị S, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lộc Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B; địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T - Phó Giám đốc; vắng mặt.

2. Ông Mã Văn T, sinh năm 1967; vắng mặt.

3. Bà Đàm Thị T, sinh năm 1967; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người kháng cáo: Anh Lộc Văn T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Mã Thị S trình bày: Chị và anh Lộc Văn T tìm hiểu và kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do anh Lộc Văn T thường xuyên bạo lực gia đình, chị đã khuyên bảo nhưng anh Lộc Văn T không nghe. Thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Lộc Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung Lộc Ánh A, sinh ngày 03/01/2013 và Lộc Thị B, sinh ngày 08/8/2016, hiện cả 02 con do chị Mã Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 2 người con đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh Lộc Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng/01 con, tổng cộng 02 con là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ lỵ, sáu, mái lợp ngói 3 gian, nhà làm năm 2019, giá trị 50.000.000 đồng, khi ly hôn chị Mã Thị S yêu cầu được sử dụng ngôi nhà và thanh toán cho anh Lộc Văn T ½ giá trị ngôi nhà; về đất nền nhà là của bố đẻ chị là ông Mã Văn T.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh phòng giao dịch huyện B, số tiền 30.000.000 đồng, nay còn nợ chưa trả, khi ly hôn hai vợ chồng mỗi người trả một nửa tiền nợ gốc và lãi.

Theo lời khai của bị đơn anh Lộc Văn T, trình bày: Anh và chị Mã Thị S tìm hiểu và kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn anh đến nhà chị Mã Thị S ở rể. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, từ tháng 7/2020 vợ chồng sống ly thân nhau đến nay. Nay chị Mã Thị S xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung như chị Mã Thị S trình bày, khi ly hôn để chị Mã Thị S nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung do không có tài sản gì nên không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ 3 gian, trị giá khoảng 160.000.000 đồng. Ngoài ra anh yêu cầu mẹ đẻ chị Mã Thị S là bà Đàm Thị T trong quá trình ở chung với gia đình anh được góp tiền 15.000.000 đồng để trả nợ vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện năm 2012, nay anh yêu cầu bà Đàm Thị T trả lại khoản tiền 15.000.000 đồng trên cho anh.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh phòng giao dịch huyện B số tiền 30.000.000 đồng để làm nhà, nay còn nợ chưa trả, khi ly hôn hai vợ chồng trả mỗi người trả một nửa.

Theo lời khai ông Mã Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trình bày: Trong quá trình chung sống của vợ chồng anh Lộc Văn T và Mã Thị S ở cùng gia đình ông. Năm 2018 ông cho vợ chồng chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T làm nhà ở nhờ trên đất của ông tại Thôn K, xã T, huyện B, nay 2 vợ chồng ly hôn ông yêu cầu trả lại đất để ông tiếp tục quản lý sử dụng.

Theo lời khai bà Đàm Thị T (vợ ông Mã Văn T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trình bày: Năm 2012 gia đình bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 30.000.000 đồng để mua trâu sinh sản, sau đó bà bán trâu và đi làm thuê kiếm tiền tự trả nợ, bà không được vay số tiền 15.000.000 đồng của anh Lộc Văn T nay anh Lộc Văn T đòi bà trả lại số tiền 15.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại công văn số 189/NHCS-TD, ngày 26/10/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B cho biết ngày 06/01/2019 vợ chồng anh Lộc Văn T và chị Mã Thị S vay 30.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm theo mã món vay 6600000714291888 lập ngày 06/01/2019, đến nay tiền gốc chưa trả 30.000.000 đồng và tiền lãi, để bảo toàn vốn cho Nhà nước, đề nghị anh Lộc Văn T và chị Mã Thị S trả nợ cho Ngân hàng.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/11/2020: Ngôi nhà sàn sau khi trừ khấu hao thời gian sử dụng giá trị còn lại là 138.780.459 đồng. Các đương sự thống nhất thỏa thuận giá trị còn lại của ngôi nhà là 80.000.000 đồng; 130 viên gạch ba banh, trị giá là 520.000 đồng; 144 viên ngói, trị giá là 1.008.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 81.528.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết:

Căn cứ Điều 55, Điều 57, khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 59, khoản 2 Điều 61, khoản 2 Điều 81, các khoản 2 và 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Mã Thị S với anh Lộc Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là các cháu Lộc Ánh A, sinh ngày 03/01/2013 và cháu Lộc Thị B, sinh ngày 08/8/2016 cho chị Mã Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi từng người con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Lộc Văn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 2 người con chung mỗi tháng là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trên một người con chung, tổng cộng là 1.500.000 đồng/ tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian thực hiện từ bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi từng người con chung đủ 18 tuổi. Anh Lộc Văn T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản: Buộc chị Mã Thị S phải thanh toán giá trị tài sản chung cho anh Lộc Văn T số tiền là 36.069.600 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chị Mã Thị S được hưởng giá trị tài sản 15.458.400 đồng (mười lăm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng). Giao ngôi nhà sàn 03 gian tại đồi Mây Tấp, Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có 115 m² nằm ở giữa thửa đất 337, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 03 xã T có các cạnh tiếp giáp với phần còn lại của thửa đất cụ thể: Phía Bắc và phía Nam có chiều dài mỗi cạnh là 11,1 mét, phía Đông và phía Tây có chiều dài mỗi cạnh là 10,3 mét và các vật liệu là gạch, ngói cho chị Mã Thị S quản lý, sử dụng, định đoạt.

4. Về nợ chung:

- Buộc chị Mã Thị S thanh toán nợ vay cho Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh Phòng giao dịch huyện B số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng.

- Bác yêu cầu của anh Lộc Văn T về việc yêu cầu bà Đàm Thị T trả khoản tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) vì không có căn cứ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/01/2021, bị đơn anh Lộc Văn T nộp đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, cụ thể:

- Về tài sản chung: Căn nhà gỗ đã trừ khấu hao, giá trị còn lại để chia là 138.780.000 đồng; tiền bán trâu có nguồn gốc là tài sản riêng của anh Lộc Văn T là 20.000.000 đồng. Do anh Lộc Văn T có công sức đóng góp nhiều hơn nên yêu cầu được chia 75% giá trị căn nhà và 20.000.000 đồng là tài sản riêng. Tổng cộng anh Lộc Văn T yêu cầu được chia là 109.085.000 đồng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lộc Văn T cho rằng không có nghề nghiệp ổn định nên chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con nhỏ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lộc Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Sau khi được Hội đồng xét xử phân tích, giải thích nội dung kháng cáo và hòa giải anh Lộc Văn T và chị Mã Thị S đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của anh Lộc Văn T được nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, những người vắng mặt tại phiên tòa đã có bản tự khai, biên bản ghi lời khai; ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Anh Lộc Văn T kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng.

[4] Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

[6] Về quan hệ vợ chồng: Chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T thuận tình ly hôn nhau.

[7] Về con chung: Chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T có 02 con chung là cháu Lộc Ánh A, sinh ngày 03/01/2013 và Lộc Thị B, sinh ngày 08/8/2016, cả 02 con chung hiện tại đang ở với chị Mã Thị S. Khi ly hôn hai anh chị tự thỏa thuận để chị Mã Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lộc Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cấm.

[8] Về tài sản chung: Chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung, gồm: 01 ngôi nhà sàn 03 gian bằng gỗ lý và tấu làm năm 2019; 144 viên ngói Quảng Ninh và 130 viên gạch ba banh hiện tại do chị Mã Thị S quản lý. Khi ly hôn chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T cùng thống nhất tự thỏa thuận giao cho chị Mã Thị S được quyền sở hữu toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng để nuôi con, anh Lộc Văn T không yêu cầu chia tài sản chung.

[9] Về nợ chung: Vợ chồng có vay nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 30.000.000 đồng. Khi ly hôn hai anh chị tự thỏa thuận

chị Mã Thị S có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi xuất theo hợp đồng vay nợ mã món vay 6600000714291888 lập ngày 06/01/2019 của ngân hàng.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.600.000 đồng, do chị Mã Thị S đã nộp tạm ứng trước để chi trả. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Mã Thị S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tổng là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Mã Thị S đã nộp đủ số tiền trên.

[11] Về án phí dân: Do nguyên đơn chị Mã Thị S và bị đơn anh Lộc Văn T là người dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Theo quy định của pháp luật chị Mã Thị S anh Lộc Văn T được miễn toàn bộ án phí.

[9] Ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể:

Áp dụng Điều 55, Điều 57, khoản 1 Điều 59, khoản 2 Điều 61, khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 38, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Công nhận sự tự thỏa thuận của chị Mã Thị S và anh Lộc Văn T về việc nuôi con chung. Giao cho chị Mã Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lộc Ánh A, sinh ngày 03/01/2013 và cháu Lộc Thị B, sinh ngày 08/8/2016 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lộc Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Chị Mã Thị S được quyền sở hữu toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng, gồm có: 01 ngôi nhà sàn 03 gian làm bằng gỗ lý và gỗ táu, nhà làm năm 2019; 144 viên ngói Quảng Ninh và 130 viên gạch ba banh, hiện tại toàn bộ số tài sản chung do chị Mã Thị S đang quản lý, sử dụng.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn chị Mã Thị S có nghĩa vụ trả nợ Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách-xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 30.000.000 đồng

(ba mươi triệu đồng), theo hợp đồng vay nợ mã món vay 6600000714291888 lập ngày 06/01/2019.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Do chị Mã Thị S tự nguyện chịu toàn bộ, xác nhận chị Mã Thị Sao đã nộp đủ số tiền trên.

6. Về án phí dân sự: Nguyên đơn chị Mã Thị S và bị đơn anh Lộc Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện B, tỉnh LS;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm